

CÁCH MẠNG VÀ TÔN GIÁO

GS, TS ĐỖ QUANG HÙNG

Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Trong Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến kiến quốc, những hoạt động thực tiễn, uy tín của Hồ Chí Minh, chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có sức cuốn hút đối với nhiều nhân sĩ trí thức, chức sắc, tín đồ tôn giáo. Những quan điểm mác xít của Đảng về vấn đề tôn giáo, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo của Hồ Chí Minh trên cơ sở tìm ra những hằng số trong quan hệ đạo - đời, điểm tương đồng của các hệ ý thức trong phong trào dân tộc ở nước ta có sức lôi cuốn nhiều nhân sĩ, trí thức các tôn giáo, góp sức vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng do Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh lãnh đạo. Bài viết cung cấp thêm nhiều tư liệu với góc độ khác nhau làm rõ thêm về nội dung này.

Từ khóa: Cách mạng và tôn giáo; Hồ Chí Minh; đại đoàn kết dân tộc

1. Vì sao Cách mạng Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lại có sức thu hút đối với tôn giáo?

Chính sách tôn giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cách mạng Tháng Tám là một biến cố lịch sử vĩ đại, là bệ phóng cho những bước nhảy vọt quan trọng nhất của dân tộc ta, đất nước ta vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và CNXH trong thế kỷ XX. Đặc điểm sâu đậm của cuộc cách mạng này, trước hết là ở tính dân tộc, là một cuộc giải phóng dân tộc của một dân tộc kiên cường giữ bản sắc văn hoá, độc lập, thống nhất quốc gia và tự chủ. Khi lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, Đảng Cộng sản Đông Dương (tên gọi của Đảng từ tháng 10-1930 đến tháng 2-1951) được sự soi sáng bởi chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, càng ý thức được điều này.

Ngay trong “đêm trước của cuộc cách mạng” tại căn cứ địa Việt Bắc, khi khai mạc Quốc dân

Đại hội Tân Trào, trong 60 đại biểu đại diện cho các đảng phái chính trị, các đoàn thể cứu quốc, đại biểu từ Bắc, Trung, Nam, có cả đại biểu các dân tộc và tôn giáo¹. Đảng Cộng sản Đông Dương vào thời điểm ấy có ban bố bản Hiệu triệu gồm 10 điểm, như một cương lĩnh khởi nghĩa. Trong đó, có điều 5): “Ban bố những quyền của dân, cho dân: nhân quyền; tài quyền (quyền sở hữu); dân quyền; quyền phổ thông đầu phiếu; quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng (tác giả - nhấn mạnh) ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền”².

Ngày 25-8-1945, tại Hà Nội, khi chính quyền vừa về tay Việt Minh, Chủ tịch Ủy ban Dân tộc giải phóng là Hồ Chí Minh đã quyết định cải tổ Ủy ban này thành Chính phủ lâm thời, trong đó có mặt nhân vật nổi tiếng của giới Công giáo là Nguyễn Mạnh Hà, Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc gia³.

Cách mạng Tháng Tám mà hiện thân là Hồ Chí Minh còn có sức thu hút nhiều nhân vật trí thức, danh nhân Công giáo tên tuổi khác như cụ Ngô Tử Hạ, Thứ trưởng Bộ Thương binh; Bác sĩ Vũ Đình Tụng, Bộ trưởng Bộ Thương binh (cuối kháng chiến chống Pháp); Luật sư Nguyễn Thành Vinh, Giám đốc Sở Tài chính Nam Bộ, Chủ tịch Công giáo cứu quốc Nam Bộ; Trần Công Chính, dòng Chúa Cứu thế Thái Hà ấp Hà Nội, Bí thư Công giáo Cứu quốc Trung ương; Luật sư Thái Văn Lung, Đại biểu Quốc hội Gia Định, khu phố Quân khu 7, hy sinh ngay những ngày đầu thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ.

Trong Quốc hội cũng có nhiều nhân vật Công giáo đáng chú ý: Giáo sư, bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng (Ủy viên chính thức Ban Thường trực Quốc hội); cụ Ngô Tử Hạ, người đóng vai trò Chủ tịch phiên đầu tiên Quốc hội (sáng 2-3-1946); đặc biệt vai trò của Linh mục Phạm Bá Trục, Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội từ tháng 12-1946⁴. Trong Quốc hội kháng chiến còn có cụ Cao Triều Phát (Ủy viên Ban Thường trực), lãnh tụ Cao Đài đã có công hiến được ghi nhận. Hai nhân vật nổi tiếng khác là Lê Hữu Từ và Hồ Ngọc Cẩn, hai vị giám mục cổ vấn tối cao của Chính phủ mà hành động và vị thế của họ cũng đã được lịch sử cách mạng Việt Nam đánh giá phân minh.

Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, ngày 3-9-1945 (một ngày sau khi Nhà nước Việt Nam Cộng hoà Dân chủ ra đời), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu 6 vấn đề cấp bách, mà vấn đề thứ sáu dành riêng cho chính sách tín ngưỡng tôn giáo: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và lương giáo đoàn kết”⁵. Trong tháng 9-1945, đã có rất nhiều phiên họp quan trọng của Chính phủ lâm thời do Hồ

Chí Minh chủ tọa; trong đó có 4 phiên liên quan đến vấn đề tôn giáo. Biên bản phiên họp ngày 20-9-1945 ghi: “Xét quyền tự do tín ngưỡng là một nguyên tắc của chính thể dân chủ cộng hoà, chính phủ ra lệnh: Điều thứ nhất, đền, chùa, lăng tẩm, nhà thờ, tất cả những nơi có tính cách tôn giáo, bất cứ tôn giáo nào, nhân dân đều phải tôn trọng, không được xâm phạm”⁶.

Ngày 15-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí quyết định thành lập Việt Nam Phật giáo Hội, trụ sở tại 73 phố Quán Sứ. Người không bỏ lỡ cơ hội nào đi thăm các nơi thờ tự, các vị chức sắc tôn giáo. Tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tới thăm chùa Quán Sứ, gặp các vị cao tăng, như Hòa thượng Tố Liên, Hòa thượng Thanh Hỷ, Hòa thượng Võ Thịnh. Người khẳng định: Nhà nước chúng tôi luôn luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng. Phật giáo Việt Nam với dân tộc như bóng với hình, tuy hai mà một. Tôi mong các hòa thượng, tăng ni và Phật tử, hãy tích cực thực hiện tinh thần từ bi, hỉ xả, vô ngã, vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước ...

Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc, tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của Hồ Chí Minh thấm sâu trong cơ quan quyền lực cao nhất. Diễn văn bế mạc của Tôn Đức Thắng, Phó Trưởng ban Thường vụ Quốc hội khoá I, trong phiên họp ngày 9-11-1946 có đoạn: “Nếu có ai có thành kiến của giai cấp, của đảng phái, của tôn giáo thì đến căn phòng này... cũng đã để lòng theo một tiếng gọi cao cả và thiêng liêng hơn cả bấy nhiêu tiếng gọi lúc thường: tiếng gọi Tổ quốc. Cái không khí ấy đã hoàn toàn phản chiếu được tình hình chung của đất nước, tình trạng thống nhất ý chí và hành động...”⁷.

Những quan điểm mácxít của Đảng về vấn đề tôn giáo.

Phải nói ngay rằng, Cách mạng Tháng Tám thành công ở vào thời điểm, nếu nhìn ở góc độ

tôn giáo, thực không có mấy thuận lợi. Xu hướng chống cộng sản ngày càng lộ rõ, trắng trợn dưới triều Giáo hoàng Piô XI, Piô XII (trong và sau Chiến tranh thế giới II). Đến năm 1951, trong Thông điệp sứ giả Phúc Âm, Giáo hoàng Piô XII còn tái khẳng định: “Giáo hội đã lên án nhiều môn phái khác nhau thuộc chủ nghĩa xã hội mácxít. Giáo hội còn duy trì mãi bản án ấy, vì nhiệm vụ và quyền lợi vĩnh viễn của Giáo hội, là phải chặn đứng những dòng nước mãnh liệt của những ảnh hưởng tai hại của chủ thuyết cộng sản hiện nay đang gieo rắc khắp nơi...”⁸. Trong khi đó, những quan điểm “tả” khuynh trong vấn đề tôn giáo của Stalin và Quốc tế Cộng sản (1919-1943) vẫn còn ảnh hưởng mạnh trong các đảng cộng sản ở phương Đông.

Ở Việt Nam, ở một số địa phương, ít hay nhiều, cũng chịu ảnh hưởng của các quan điểm ấy. Trên tờ *Sự thật*, số 30 (ngày 6-4-1946), dưới bút danh T.C, Trường-Chinh có một bài viết quan trọng “Đánh đổ khuynh hướng sai lầm. Dừng xâm phạm đến tín ngưỡng của dân”, đăng trọn trang 5. Mở đầu, tác giả nêu hai sự việc cụ thể sau Cách mạng Tháng Tám: Làng P.G ngoại thành Hà Nội dịp Tết vừa rồi (1946), Ủy ban Hành chính làng chủ trương cấm bán vàng mã ở chợ, nghĩa là gián tiếp cấm dân làng mua để cúng tổ tiên trong dịp Tết. Làng X. C thuộc Bắc Ninh, lấy cơ dùng đình làng để mở xưởng thủ công nghiệp, rồi cho khuân hết đồ thờ thành hoàng sang đình thôn bên cạnh khiến dân làng than thở: “Dưới chế độ dân chủ, thành hoàng phải đi ở nhờ”. Tiếp đó, tác giả phân tích rất sâu sắc: “Những chủ trương hành động đó biểu thị một tinh thần cải cách rõ rệt, muốn cách mạng cả văn hoá, tôn giáo, phong tục tập quán nữa... Đó là tinh cảm cách mạng quá trớn, những bệnh ấu trĩ tả khuynh. Cuộc Cách mạng Tháng Tám của chúng ta cũng kéo theo những bệnh ấu trĩ và tả

khuynh của nó”⁹. Trường-Chinh cũng bác bỏ ý kiến cho rằng như thế là người mácxít bên vực những cái hủ bại của chế độ cũ; vấn đề là phải “giáo dục cho dân biết tại sao mê tín là sai, hủ tục là dở. Nhưng không thể hấp tấp cấm đoán”¹⁰. Hơn nữa, về phương diện chính trị, tác giả kết luận: “Nếu vì cải cách phong tục và tôn giáo mà chia rẽ Mặt trận thống nhất của nhân dân (dù chỉ trong phạm vi một làng) hoặc làm cho số đông dân hiểu lầm cách mạng, oán ghét chính quyền mới, thì đó là một tội không thể tha thứ được. Việc làm ở làng P.G và X.C là có hại. Nó tỏ rõ anh em ấy chưa hiểu được chính sách của Chính phủ Hồ Chí Minh”¹¹.

Tuy vậy, cần phải nói rằng ở giai đoạn đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, trong quan hệ với tôn giáo, vấn đề gai góc nhất vẫn là vấn đề cộng sản - công giáo. Để bác bỏ những quan điểm vu khống người cộng sản trong vấn đề tôn giáo, Trường-Chinh đã viết bài dài hiếm thấy, thực có lý, có tình dưới đầu đề “Cộng sản và Công giáo”, đăng trên báo *Sự thật*, số 105 (ngày 25-12-1948).

Những quan điểm mácxít của Đảng về vấn đề tôn giáo ngày càng có ảnh hưởng tốt trong cuộc kháng chiến. Trong số 110 (ngày 18-4-1949), cũng trên báo *Sự thật*, với bút danh T.C, Trường-Chinh cho đăng bài “Nhân bài ‘Cộng sản và Công giáo’,” khẳng định thêm các quan điểm ấy. Dưới hình thức trả lời thư bạn đọc, tác giả viết:

“1. Những người Cộng sản không tin có Trời, nhưng không hề ngăn cấm ai tin có Trời. Vô sản chuyên chính hơn 30 năm mà bên Liên Xô vẫn có Công giáo. Bọn phát xít diệt đạo, chứ Cộng sản không hề diệt đạo. 2. Chúng tôi không tin có Chúa Lời nhưng chúng tôi không hề mạ sát Chúa Lời của Công giáo.... 4. Chúng tôi chủ trương ‘Nhà thờ li khai với Nhà nước và nhà trường li khai với nhà thờ’ vì muốn cho chính quyền không can thiệp đến việc tín ngưỡng và tôn giáo, không lợi

dụng tín ngưỡng mà bắt tín đồ theo ý kiến của chính quyền, không ai được lợi dụng việc dạy học mà tuyên truyền tôn giáo, mà cũng không ai được vì tôn giáo mà chế biến chương trình giáo dục của nhà nước. Có như thế tôn giáo và tín ngưỡng mới được tự do không bị người ta làm sai lạc đi....6. Chúng tôi không muốn kéo dài vấn đề “Công sản và Công giáo” làm gì. Vì chúng tôi thấy rằng: Cướp vào nhà phải cùng nhau đánh cướp. Đoàn kết nhưng phải phê bình, vừa đánh giặc vừa trừ gian trong hàng ngũ kháng chiến để cho kháng chiến mau thắng lợi”¹².

Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “tự giải tán” vào tháng 11-1945 do những hoàn cảnh lịch sử lúc đó. Những người cộng sản Việt Nam vẫn có Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác và báo *Sự thật*. Trong số báo quan trọng “kỉ niệm ngày Nôen”, 25-12-1948, bên cạnh Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Công giáo vốn đã quen thuộc, còn có bài “Những người Cộng sản Việt Nam kính gửi đồng bào Công giáo”. Bài viết có đoạn: “Chúng tôi chủ trương đánh đuổi bọn thực dân và diệt bọn “giáo gian” làm ô nhục tôn giáo, ngược lại ý chí của Chúa. Hôm nay trong bầu không khí pha trộn hương trầm lẫn mùi thuốc súng của lễ Nôen kháng chiến lần thứ 3, chúng tôi trịnh trọng thanh minh đôi lời với đồng bào Công giáo và ra sức cùng đồng bào đuổi sạch giặc Pháp ra khỏi bờ cõi, để cho toàn dân được sung sướng, nước nhà độc lập, tín ngưỡng tự do”¹³.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo của Hồ Chí Minh trên cơ sở tìm ra những hằng số trong quan hệ đạo - đời, điểm tương đồng của các hệ ý thức trong phong trào dân tộc ở nước ta có sức lôi cuốn nhiều nhân sĩ, trí thức các tôn giáo.

Cũng trên tờ *Sự thật*, số ra ngày 15-10-1948 có bài “Chủ nghĩa Giatô và chủ nghĩa Cộng sản” của NG.V.K, “là một tín đồ Công giáo, gia đình là một gia đình đạo giòng” như lời giới thiệu của

Toà soạn. Sau khi đưa ra những cứ liệu sắc bén về tính cách liên hiệp, đại đoàn kết của Mặt trận Việt Minh, của Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh cũng như so sánh “những điều trong Kinh Thánh và trong sách Cộng sản”, tác giả kết luận: “Thế là Đức Chúa bên vực người lao động, chống nhà tư bản, ghét sự bóc lột, tàn thành của chúng. Chắc bọn thực dân và Việt gian cũng gọi Người là Cộng sản... Đến ngày đuổi sạch thực dân, lấy lại Độc lập, thì sẽ đúng như câu nói trong Apocalypse XXI: “Rồi tôi trông thấy trời mới, đất mới, vì trời cũ đất cũ đã đổi mới rồi”¹⁴. Lẽ dĩ nhiên, vì hoàn cảnh kháng chiến, Đảng cũng như Chính phủ lúc đó chưa có điều kiện để hoàn thiện đường lối, chính sách tôn giáo. Nhưng nếu chúng ta so với giai đoạn 1930-1940, về mặt nhận thức, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có bước tiến khá dài trong lĩnh vực đặc biệt này.

Đảng và Chính phủ nỗ lực liên tục, sáng tạo để biến chính sách đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo thành hiện thực; xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất là một chủ trương lớn của Đảng.

Các thế lực thù địch cũng đã giờ trăm phương ngàn kế, lợi dụng tôn giáo chống phá chính quyền. Bắt đầu là với Cao Đài, Hoà Hảo trong mưu đồ hiểm độc “Nam Kỳ tự trị”. Sau đó, là “vấn đề Công giáo” Bùi Chu - Phát Diệm.... Chủ trương xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất là một chủ trương lớn của Đảng trong điều kiện cách mạng đang ở thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Với các tôn giáo, đây là một chính sách thiết thân, cực kỳ quan trọng. Sau khi nêu lại những bài học lịch sử về sự chia rẽ lương, giáo do “các Vua ta mắc mưu thực dân”, kinh nghiệm ở Ấn Độ, tình hình rối ren ở Nam Bộ, tác giả M.C viết: “Tất cả những bài học kinh nghiệm ấy không uổng phí. Ở Bắc Bộ, Trung Bộ, chúng ta thấy các tín đồ Công giáo cũng như Phật giáo có thái độ khác hẳn”¹⁵. Ngày lễ Phục sinh, anh em Công

giáo ở Quần Phương rước “Kiệu” có anh em ngoại giáo và Phật giáo bái vọng. Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Phật tử tổ chức buổi lễ cầu thọ cho Chủ tịch ở chùa Quán Sứ. Đến dự lễ có cả đại biểu các đoàn Công giáo. Bức điện của Đức Giám mục và các giáo sĩ 11 tỉnh Bắc Bộ gửi Giáo hoàng, khẩu hiệu hoan hô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Phật giáo vang lên khắp nơi trong ngày Phật đản chứng tỏ điều ấy. Chúng ta mong rằng tinh thần đoàn kết giữa các tín đồ (Giatô, Phật giáo, Cao Đài, Tin Lành) với nhau cũng như tinh thần đoàn kết giữa các tín đồ với đồng bào không tôn giáo sẽ ngày càng bền chặt. Chúng ta không thể bỏ lỡ cơ hội nào để có sự thống nhất quốc gia và việc giành quyền tự chủ của dân tộc mới có cơ sở thắng lợi”¹⁶.

Chỉ 5 tháng sau bài báo trên, tờ *Sự thật* có bài xã luận đầy phấn khởi về phong trào yêu nước của đồng bào các tôn giáo Nam Bộ: “Một số đồng đồng bào lầm đường theo chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thinh đã tỉnh ngộ và quay ra chống Pháp. Nhân viên trong ban Hội tề các làng ở Bạc Liêu và các làng khác thuộc khu VII và khu VIII ở Nam Bộ đã tự ý giải tán và tuyên bố trung thành với Chính phủ Hồ Chí Minh và cùng quốc dân đồng bào chiến đấu cho nước Việt Nam được thống nhất, tự do, độc lập và phú cường. Toàn thể đồng bào Cao Đài, dưới sự lãnh đạo của phối sư Cao Triều Phát và Ban Chấp hành Trung ương của đạo đã tuyên thệ trung thành với Chính phủ Hồ Chí Minh và cương quyết tranh đấu cho nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc”¹⁷.

Với một đường lối đúng đắn, nhất quán như thế, ở những thời điểm thử thách gay go, phức tạp nhất trong quan hệ Nhà nước - Giáo hội ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước cách mạng vẫn có thể tuyên bố: “... Đảng nào đã chiến đấu từ 20 năm nay, hàng ngàn hàng vạn đảng viên hy sinh ở chốn lao tù, ngoài tiền tuyến, trên đoạn đầu đài,

để giành lại quyền tự do tín ngưỡng và bao quyền tự do khác cho nhân dân? Đảng nào thế? Chính là Đảng Cộng sản Đông Dương và chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương mới đem lại quyền tự do tín ngưỡng cho nhân dân được”¹⁸.

2. Các tôn giáo với Cách mạng Tháng Tám

Linh mục Trần Tam Tinh trong thiên biên khảo nổi tiếng *Thập giá và Lưỡi gươm*¹⁹ có nói rất kỹ về một thứ “chủ nghĩa thực dân bên trong đạo”. Tháng Tám vàng sao quả có sức hấp dẫn, xao động nhận thức tình cảm của đồng bào có tôn giáo. Nhắc lại những ngày Nam Bộ kháng chiến, ngay tại Sài Gòn trước 1975, GS Lý Chánh Trung viết: “Trong 8 tháng đó, lịch sử như ngọn triều dâng đưa chúng tôi về với Dân tộc. Cả một dân tộc đứng lên và chúng tôi chứng kiến cảnh đó. Giờ đây, dù ở đâu làm gì, chắc chắn không đưa nào trong chúng tôi (đã học ở Trường thầy Dòng, trường Tây) quên được Mùa Thu năm ấy”²⁰.

Nhưng dù thế nào, tín đồ các tôn giáo không khỏi có sự ngỡ ngàng, nhất là tình hình chính trị-xã hội chộn rộn sau phút háo hức ban đầu. Có tác giả Công giáo nhận xét: “Không cứ quân Nhật mới khiến các thừa sai Pháp phải sống tập trung. Các thừa sai Tây Ban Nha cũng e ngại và co cụm, vì tướng Franco càng được coi là gần phe Trục, thì càng thêm nhãn hiệu chống Cộng, mà ở Việt Nam thì những ai chịu ảnh hưởng của Việt Cộng, ai của Việt Quốc?”

Hàng rào ngăn cách giữa bao nhiêu tín đồ của Chúa với những phong trào yêu nước gồm 2 mặt: Một là tâm trạng kính nể với vị thừa sai, những vị rất *sợ chính trị và vô thần* như đã *sợ Văn thân*. Hai là ấn tượng Bắc thuộc: Trung Hoa đã cả ngàn năm cai trị dân Việt Nam. Ngày nay, các chính đảng Việt Nam, dầu mang áo Đàng Cộng sản hoặc đảng quốc dân, đều được nuôi dưỡng và huấn luyện phần lớn tại Hoa

Nam. Dầu thế, vẫn còn trăm trường hợp biểu hiện lòng yêu nước thương dân và đòi độc lập dân tộc, có dè dặt với các chính đảng, cũng vẫn cộng tác nhiều phần”²¹.

Dù nhận xét trên có những chỗ chưa chính xác, nhưng nó cũng nói lên được một phần tâm lý người Công giáo với Cách mạng.

Đúng là bản thân giáo lý, giáo luật của tôn giáo đôi khi cũng là những trở ngại đến với cách mạng. Mục sư Lê Văn Thái, người đứng đầu Hội Thánh Tin Lành Việt Nam lúc đó vinh hạnh có mặt trong cuộc Hội kiến với Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bắc Bộ Phủ ngày 8-9-1945, kể lại: “Trong buổi tiếp xúc đầu tiên với vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vấn đề sau được đem ra thảo luận: Hội thánh Tin Lành Việt Nam có nên lập Tin Lành Cứu Quốc hay không và các nhà thờ Tin Lành có phải treo cờ hay không?”

Khi Hồ Chí Minh đề nghị Tin Lành lập tổ chức ấy thì Mục sư Lê Văn Thái chối từ vì theo ông: “Đề nghị đó không thể chấp nhận được vì không hiệp với tôn chỉ Hội Thánh... Tôn chỉ của Hội thánh Tin Lành Việt Nam là Tin Lành phải thuần túy không có màu sắc chính trị, không dung nạp chính trị và không chịu ai tuyên truyền chính trị”²². Tuy bị từ chối, Hồ Chí Minh vẫn tạo điều kiện cấp giấy thông hành cho Mục sư này vào Nam, trong tình trạng an ninh cực kì khó khăn. Đầu tháng 10-1945, ở Sài Gòn và các tỉnh Miền Tây, ông đã được gặp các vị lãnh đạo Nam Bộ: Dương Bạch Mai, Tôn Đức Thắng, Trần Văn Giàu, Phạm Văn

Bạch... Các nhân vật cách mạng ấy đã cảm hoá ông, và dù còn có khoảng cách, Mục sư Lê Văn Thái đã ghi nhận: “Mục đích của chính quyền bấy giờ là muốn tìm hiểu Hội thánh, nên khi chúng tôi trình bày rành mạch từng chi tiết một, họ đã tỏ ra rất thông cảm và hiểu biết... Sau này, khi về được Hà Nội, tôi có mời Cụ Tôn Đức Thắng đến

nhà chúng tôi ở số 1 đường Nguyễn Trãi dùng cơm đáp lễ. Hôm ấy có cả giáo sĩ W.C. Cadman và chúng tôi nhân cơ hội này giải bày thêm về Tin Lành...”²³.

Dù sao thiên hồi ký này cũng khó có thể phản ánh hết thái độ người Tin Lành Việt Nam lúc ấy, vì nhiều lý do. Xin giới thiệu một tư liệu khác.

Ngày 8-5-1948, vị Phó Chủ tịch Hội Tin Lành kháng chiến Nam Bộ có gửi một bức thư cho “Cha già Hồ Chủ tịch và quý Anh ở Trung ương” trong đó có đoạn: “Chúng con

lấy làm vui mừng vì chúng con có một Cha già sáng suốt, có người Anh biết điều hoà các đảng phái, được tất cả từng lớp dân chúng tín nhiệm, các tôn giáo thống nhất, chỉ trừ vài phần tử quá khích đáng kể. Bằng cứ như Đạo Catholique (Công giáo - tác giả) có cha Luật, cha Sang, cha Kinh, cha Phiên và non chín chục phần trăm Công giáo đều ủng hộ kháng chiến; Cao Đài 12 phái của ông Cao Triều Phát cũng ủng hộ kháng chiến. Tin Lành trăm phần trăm tham gia kháng chiến. Thưa Cha, chúng con nhìn vào sự thật hơn là lí luận, hơn là đảng phái, ai kháng chiến với chúng con thì chúng con tin cậy và ủng hộ,

Có thể khẳng định rằng, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã có được những thành tựu độc đáo trong việc giải quyết bước đầu vấn đề tôn giáo ở nước ta, bên cạnh hàng loạt vấn đề quốc kế dân sinh khác trong và sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Những người Cộng sản Việt Nam thấu hiểu học thuyết về tôn giáo của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã có định hướng đúng vấn đề tôn giáo, đó là phải luôn đặt trong và dưới vấn đề dân tộc.

vì chuyện đời vật nào đen thì nó đen, vật nào trắng thì nó trắng. Cầu Đức Chúa Trời ban ơn cho Cha và quý Anh ở trong Bộ Quốc phòng, chúng con Hội Tin Lành Nam Bộ ủng hộ Cha và Chính phủ kháng chiến Việt Nam đến khi nào chúng con còn trên mặt đất, thân ái kính chào Cha già yêu mến”²⁴.

Đối với người Công giáo thì Cách mạng tháng Tám cũng có nghĩa là sự giải phóng thân phận khỏi ách “thực dân trong đạo”. Tờ *Đa Minh* của giáo phận Bùi Chu do Giám mục Hồ Ngọc Cẩn điều khiển có lẽ là tờ báo Công giáo phản ánh được nhiều sự kiện quan trọng của Giáo hội trong quan hệ với Nhà nước đúng như nhận xét của Linh mục Nguyễn Thế Thoại: “Có lẽ trong giai đoạn 1945-1946, trong tờ *Đa Minh* hơn ở đâu hết, người ta đọc thấy tâm trạng người Công giáo Việt Nam mong Giáo hội Việt Nam trưởng thành. Nhiều cây bút đối thoại thẳng thừng, cạn tàu ráo máng với những vị liên hệ, dù là tập thể Thừa sai”²⁵. Tờ *Đa Minh*, số 15-9-1945 dành toàn bộ cho sự kiện 2-9 năm ấy, đăng trang trọng toàn văn bản *Tuyên ngôn độc lập*, trang nhất phủ kín là nền cờ đỏ sao vàng và dòng chữ *Mến Thiên Chúa - Yêu Tổ quốc*, bản đồ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà một bên và bản đồ Roma, Trụ sở Giáo hội một bên. Đặc biệt có tin ngắn, in đậm giữa trang 2 về Đoàn đại biểu giới Công giáo yết kiến cụ Hồ Chí Minh: “Đáp lời phái bộ Công giáo trình bày hơn 1 triệu dân Công giáo lúc nào cũng sẵn lòng hợp tác với Chính phủ, cụ Hồ Chí Minh nói: “Nền Độc lập không có, thì cái ách nô lệ sẽ cản trở cả sức phát triển của tôn giáo. Cứ xem các vị giám mục thì rõ, hiện nay trong 16 vị giám mục, chỉ có 4 vị là người Việt Nam. Nếu nước ta hoàn toàn Độc lập, nếu chúng ta quét sạch được nô lệ thì tất nhiên toàn thể 16 vị giám mục đó sẽ là những người Việt Nam có đủ tài đức đảm nhận nhiệm vụ nặng nề ấy”²⁶.

Lòng yêu nước, Tổ quốc là những từ “tế nhị” trong Giáo hội trước Cách mạng. Hàng loạt bài bình luận, thơ văn trên tờ *Đa Minh* đã hồ hởi nói về chủ đề này, tiêu biểu như bài “Trong bầu không khí mới về lẽ thoái vị của Bảo Đại” hoặc bài “Tinh thần Độc lập”, có đoạn: “Cố nhiên người Công giáo chúng ta có bốn phận yêu Tổ quốc không những vì Tổ quốc lại vì Thiên Chúa chúng ta nữa. Và cũng cố nhiên, hai triệu người Công giáo chúng ta vốn từ trong thâm tâm đoàn kết với 20 triệu đồng bào ngoài đạo. Nhưng trước đây, vì thực dân Pháp đã có dã tâm gieo mầm li gián giữa kẻ lương người giáo để thoả mãn chính sách đê hèn “chia mà trị”. Lúc này, chiếc mặt nạ thực dân đã rút xuống. Người Công giáo có bốn phận phải gột rửa trong mọi tâm tưởng đồng bào những ý nghĩ không hay ho về mình...”²⁷.

Cũng chưa bao giờ vấn đề Quyền Giáo hội được nói mạnh dạn đến thế. Giám mục địa phận Phát Diệm Nguyễn Bá Tông nổi tiếng khi ông đã bất chấp cả Khâm sứ Toà Thánh Drapier, nhân danh hàng giáo sĩ tu sĩ Việt Nam gửi thư cho Giáo hoàng Piô XII ngay ngày 23-9-1945 vì lo ngại Toà Thánh sẽ đứng về phía thực dân Pháp, phủ nhận nền độc lập và Chính phủ Dân chủ Cộng hoà²⁸. Cũng ngày 23-9-1945, Giám mục Nguyễn Bá Tông còn cùng các Giám mục Hồ Ngọc Cẩn (Bùi Chu), Phan Đình Phùng (Giám mục phó Phát Diệm) và Ngô Đình Thục (Vĩnh Long) lại gửi thư kêu gọi Kitô hữu thế giới, nhất là nhân dân hai nước Anh và Mỹ hãy “ủng hộ nền Độc lập của Tổ quốc Việt Nam”. Toàn văn Điện văn này được đăng tải trên tờ *Đa Minh* số 159 (ngày 5-11-1945), trong đó có đoạn: “Chính lúc này ở nước Việt Nam chúng tôi đang diễn ra cuộc xung đột lo ngại lòng ái quốc anh dũng và không lay chuyển được của người Việt Nam đang xô họ ra “chôn sa trường”,

xông pha đạn lửa. Chỉ vì muốn giữ vững nền độc lập, bênh vực công lí và tự do mà một số lớn-con dân đang bị giết hại, những con dân mà nước Việt Nam rất cần để kiến thiết và mưu lấy hạnh phúc cho mình...”²⁹.

Như vậy là những ý tưởng nhạy bén của Hồ Chí Minh lập tức được những phần tử tiên tiến của Giáo hội Công giáo hưởng ứng. Đây lại là cơ sở cho một chủ trương đúng đắn khác của Người và của Nhà nước cách mạng non trẻ. Điều này, mãi về sau được J. Lacouture phân tích rất rõ: “Ông Hồ đã bổ sung chiến lược của mình bằng một cử chỉ với Toà Thánh Vatican. Đầu tháng 3 năm 1946, ông phái ông Nguyễn Mạnh Hà vào Huế nghiên cứu việc chuyên chở gạo ở miền Nam ra Bắc. Hồi đó, Toà Thánh có đặt Khâm sứ (Delégation apostolique) ở Huế. Hồ Chí Minh giao cho ông Hà một lá thư để gặp Đức Cha Drapier và thăm dò ý của vị Đại diện của Giáo hoàng trước lời mời Ngài ra thăm Hà Nội của Chính phủ và có thể mời ông ta ra hẳn Bắc Việt để ở. Về đối ngoại, ông Hồ còn nghĩ đến cha T. d’Argenlieu, Cao ủy Pháp và các vị Bộ trưởng của phong trào Cộng hoà Bình dân (M.R.P) của nước Pháp. Nghĩa là, ông Hồ đã nghĩ đến việc dùng chính người Công giáo để thực hiện chính sách hoà hợp quốc gia. Nhưng Đức Cha Drapier đã tìm cách khước từ đề nghị ấy của ông Hồ”³⁰.

Tất nhiên, một bộ phận khác của Giáo hội Công giáo vẫn cố giữ “tín lí” chống cộng sản vô thần của Thông điệp Chúa Cứu thế (Divini Redemptoris) mà Giáo hoàng Piô XI đưa ra từ năm 1937. Tiêu biểu cho khuynh hướng “chống cộng giữ đạo” là những hành động phản bội kháng chiến của Lê Hữu Từ từ đầu năm 1947, kéo theo cả “Công giáo Cứu quốc” và sau đó là các Liên đoàn Công giáo. Nhiều tờ báo Công giáo cũng lộ rõ thái độ ấy. Chẳng hạn tờ *Đạo binh Đức Mẹ*, cơ quan truyền giáo, thông tin của

Địa phận Hà Nội. Trong bài “Thái độ Công giáo với Đảng phái” hoặc bài “Giáo hội và Thế tục”, Thượng Chí khẳng định rằng, với người Công giáo Việt Nam phải kiên quyết “không tham gia các đảng Cộng và các tổ chức chi nhánh của Cộng sản vì trong lí thuyết cũng như trong hành động, Cộng sản dung túng và chủ trương phá hoại tôn giáo và phá hoại giáo hội Công giáo”. Hoặc, tốt nhất “đứng tránh ra một bên, dù đó không có ý nghĩa đoạn tuyệt với công việc phần đời”.

Như vậy, chúng ta có thể khẳng định rằng, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã có được những thành tựu độc đáo trong việc giải quyết bước đầu vấn đề tôn giáo ở nước ta, bên cạnh hàng loạt vấn đề quốc kế dân sinh khác trong và sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Những người Cộng sản Việt Nam thấu hiểu học thuyết về tôn giáo của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã có định hướng đúng: vấn đề tôn giáo phải luôn đặt trong và dưới vấn đề dân tộc; vấn đề ấy không bắt đầu từ việc có thần hay không có thần, cũng không khăng khăng đòi quyền tự do vô thần trong Hiến pháp và thể hiện quyền ấy mà là cách mạng hay không cách mạng; không phải bầu trời huyền bí mà là mảnh đất hiện thực của cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền cách mạng non trẻ; vấn đề tôn giáo trước hết còn là việc làm thức dậy, lôi cuốn được hay không những năng lực yêu nước trong các tôn giáo, đồng thời làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực đế quốc và phản động tay sai, loại bỏ ảnh hưởng chính trị phản dân tộc trong các tôn giáo.

Cái nhìn đúng đắn ấy ngay từ Cách mạng Tháng Tám, buổi đầu của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc - trang sử hào hùng bậc nhất của lịch sử Dân tộc Việt Nam thế kỷ XX - không chỉ là kinh nghiệm mà còn là nền tảng cho đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước từ đó đến

nay, một chính sách đúng đắn về tự do tôn giáo, tín ngưỡng trên cơ sở đoàn kết giữa những người có tôn giáo và không tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công vun đắp.

1. 7. *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Nxb CTQG, H, 1994, tr. 19, 112

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T.7, tr. 560

3. Nguyễn Mạnh Hà sau đó còn tham gia Ủy ban Dự thảo thể lệ Tổng tuyển cử (26-9-1945) gồm 9 người và tham gia Chính phủ liên hiệp lâm thời (1-1-1946) với chức vụ trên

4. Về nhân vật này, cuốn *Công giáo trên quê hương Việt Nam*, Q.2, không có nơi xuất bản, 2001 của Linh mục Nguyễn Thế Thoại viết: “Đức Giám mục Hà Nội (Chaize Thịnh) đã đồng ý cho Linh mục, Tiến sĩ Thần học Giuse Phạm Bá Trục, cha xứ Khoan Vi, ra tranh cử và đắc cử vào Quốc hội khoá I” (tr. 368). Cụ Phạm Bá Trục mất tháng 10-1954, an táng ở Chiến khu Việt Bắc, được chính Chủ tịch Hồ Chí Minh viết Điều văn. Còn nhiều nhân vật giáo sĩ Công giáo tham gia Cách mạng và kháng chiến như: Linh mục Nguyễn Bá Luật; Linh mục Vũ Xuân Kỳ; Linh mục Hoàng Quang Tự; Gabriel Thọ,... còn phải nghiên cứu thêm về họ

5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 8

6. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, tập Sắc lệnh của Chủ tịch phủ Việt Nam 1945-1946, Hồ sơ số 97

8. *Thông điệp sứ giả Phúc Âm*, Bản dịch tiếng Việt, Nhà in Bùi Chu, năm 1951, tr. 31

9, 10, 11. Báo *Sự thật*, số 30, ngày 6-4-1946

12. Báo *Sự thật*, số 110, ngày 18-4-1949

13. Bài này được ký tên *Những người Cộng sản Việt Nam*. Bài này cũng có những câu, góp thêm lời diễn ngôn của Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Đông Dương, Trường - Chinh, về đạo Kitô: “Chúng tôi không tin có Thượng đế, thần linh hoặc ma quỷ, nhưng chúng tôi rất kính Chúa Cơ đốc, một người hi sinh cho lí tưởng, công bằng, bác ái, tự do”

14. Câu nguyên văn trong đoạn kết bài báo dài 2 trang, 6 cột báo, chữ nhỏ của *Sự thật*. Báo *Sự thật*, ngày 15-10-1948

15. Ý tác giả muốn nhắc đến tình trạng phân rẽ, một bộ phận tín đồ Cao Đài nghi ngại công cuộc kháng chiến

16. Xem “Mặt trận Dân tộc thống nhất và các tôn giáo” của M.C, báo *Sự thật*, số ra ngày 25-5-1946

17. “Phong trào thống nhất Quốc gia Việt Nam ở Nam Bộ”, báo *Sự thật*, số 59, ngày 27-10-1946. Bài viết mất chữ tên tác giả

18. Chân Thành: “Đảng Cộng sản Đông Dương ở đâu”, *Tập san Tuyên truyền*, số đặc biệt kỷ niệm Đảng Cộng sản Đông Dương 20 tuổi (1930-1950), Ban Tuyên truyền Liên khu I xuất bản, số 2, tháng 12-1949. Toàn văn bài này trang 24-29

19. Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 1988

20. Lý Chánh Trung: *Tìm về dân tộc*, Trình bày xuất bản, Sài Gòn, 1957, tr. 43

21, 25. Linh mục Nguyễn Thế Thoại: *Công giáo trên quê hương Việt Nam*, Lưu hành nội bộ, 2001, T. 2, tr. 352, 355

22, 23. Lê Văn Thái: *Bốn mươi sáu năm chức vụ* (Hồi ký), cơ quan Tín Lành xuất bản, Sài Gòn, 1971, tr. 160, 160

24. Tài liệu lưu trữ của Bảo tàng cách mạng Việt Nam, 2 trang đánh máy, ký hiệu: K.38

26. Tư liệu này rất giá trị. Mặc dù Giáo hoàng Piô XI đã nói đến chuyển giao địa vị cai quản các giáo phận của các vị Thừa sai cho người bản xứ, nhưng tình hình chưa có gì cải thiện. Không phải vô cớ mà sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Toà Thánh vội vã tấn phong Giám mục Phát Diệm cho Lê Hữu Từ, Bề trên dòng Châu Sơn - Nho Quan, Ninh Bình kế vị Nguyễn Bá Tông và Trần Hữu Đức kế vị Giám mục Eloy địa phận Vĩnh

27. Xem toàn văn bài này của Minh Châu, *Đa Minh*, số 159, ngày 3-10-1945

28. Toàn văn thư này, Trần Tam Tỉnh đã đưa vào cuốn *Thiên Chúa và Hoàng đế tức Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb Trẻ Tp Hồ Chí Minh, 1988, tr. 52

29. Điện văn này do Giám mục Nguyễn Bá Tông, Giám mục Việt Nam tiên khởi kí tên. Xem *Đa Minh*, số ra ngày 5-11-1945

30. Xem: Jean Lacouture: *HO CHI MINH*, ed. du Seuil, Paris, 1967, p. 108-109.